

Bản án số: 101/2023/HS-PT

Ngày: 22 - 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Bản

Ông Lương Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm, thụ lý số 84/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 8 năm 2023, do có kháng cáo của bị cáo Vũ Văn D và các bị cáo khác đối với bản án hình sự sơ thẩm số 89/2023/HSST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Vũ Văn D, sinh ngày 10/3/1974; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm E, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm chè; Trình độ học vấn: 07/12; con ông Vũ Tất T (đã chết) và bà Hoàng Thị C; có vợ là Trần Thị G và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/02/2023 đến ngày 08/02/2023, hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa.*

2. Nguyễn Văn S, sinh ngày 15/7/1975; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm F, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm chè; Trình độ học vấn: 04/12; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Chu Thị T1; có vợ là Trần Thị A và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số 28/2012/HSPT ngày 24/02/2012 của TAND tỉnh Thái Nguyên xử phạt S 06 tháng cải tạo không giam giữ (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/02/2023 đến ngày 08/02/2023, hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa.*

Người bào chữa cho bị cáo D: ông Phùng Văn C1 và ông Nguyễn Đắc T2
- Luật sư Công ty L3 thuộc Đoàn luật sư T9.

Địa chỉ: Tầng D, C - NV5, Ô số B khu đô thị L, xã L, huyện H, TP Hà Nội (02 Luật sư Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1947. (vắng mặt)
2. Chị Trần Thị G, sinh năm 1979. (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm E, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Phạm Xuân M, sinh năm 1968. (có mặt)
 2. Trú tại: Xóm D, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
 3. Nguyễn Văn L1, sinh năm 1967. (có mặt)
 4. Trú tại: Xóm F, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
 5. Trần Hữu T3, sinh năm 1976. (có mặt)
 6. Trú tại: Xóm C, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
 7. Nguyễn Văn L2, sinh năm 1995. (có mặt)
 8. Trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.
 9. Nguyễn Văn D1, sinh năm 1981. (có mặt)
 10. Đào Văn Á, sinh năm 1972. (có mặt)
 11. Trần Hữu N, sinh năm 1982. (vắng mặt)
 12. Nguyễn Minh T4, sinh năm 1986. (có mặt)
 13. Nguyễn Văn T5, sinh năm 1984. (có mặt)
 14. Nguyễn Văn T6, sinh năm 1985. (có mặt)
- Đều trú tại. Xóm E, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người chứng kiến:

Anh Đào Văn T7, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Trú tại: Xóm E, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Những người tham gia tố tụng khác: Là Điều tra viên và cán bộ điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên: Ông Nguyễn Quốc H, Ông Hoàng Văn C2, Ông Triệu Văn Đ, Ông Lê Văn G1. Có mặt ông Hoàng Văn C2, những người còn lại vắng mặt.

Trong vụ án này có các bị cáo Nguyễn Văn D2 và Phạm Xuân Đ1 có kháng cáo những đã có đơn xin rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 05/02/2023 Tổ công tác Công an huyện Đ và Công an xã T đang tiến hành tuần tra kiểm soát tại khu vực xóm E, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thì phát hiện tại gian bếp của nhà Vũ Văn D, sinh năm 1974, tại xóm E, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đang có 14 đối tượng đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Liêng” gồm: Phạm Xuân M, Nguyễn Văn L1, Vũ Văn D, Nguyễn Văn D1, Đào Văn Á, Trần Hữu T3, Nguyễn Văn D2, Trần Hữu N, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn S, Phạm Xuân Đ1, Nguyễn Minh T4, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T6. Các đối tượng chia thành 02 chiếu bạc để

đánh bạc, cụ thể: Chiều bạc thứ nhất gồm: Du, Đ1, Á, N, M, T6, L2, T5; Chiều bạc thứ 2 gồm: Duyên, L1, T3, T4, D1, S. Lợi dụng sơ hở T6, L1, T4, T3 bỏ chạy thoát. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với 10 người còn lại, thu giữ vật chứng gồm:

- + Tại chiều bạc thứ nhất: Phát hiện và thu giữ tại chiều bạc số tiền 7.500.000 đồng tiền ngân hàng N1; 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân; 01 chiều vải màu vàng.

- + Thu giữ trên người Phạm Xuân Đ1 số tiền 1.200.000 đồng; T8 trên người Nguyễn Văn L2 số tiền 500.000 đồng. Điện và L2 đều khai nhận số tiền này dùng để đánh bạc.

- + Tại chiều bạc thứ hai: Phát hiện và thu giữ tại chiều bạc số tiền 2.390.000 đồng tiền ngân hàng N1; 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân; 01 chiều nhựa màu xanh vàng.

- + Ngày 06/02/2023 và 07/02/2023, Nguyễn Văn L1, Trần Hữu T3, Nguyễn Minh T4 và Nguyễn Văn T6 đã đến Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xin đầu thú về hành vi đánh bạc vào ngày 05/02/2023 nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận như sau: Vũ Văn D sống cùng mẹ đẻ là bà Hoàng Thị C (sinh năm 1947) tại xóm E, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Do tuổi cao và sức khỏe yếu nên bà C đã giao toàn bộ quyền quản lý, trông coi ngôi nhà tại xóm E, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cho D. Khoảng 20 giờ ngày 05/02/2023, sau khi ăn cưới tại nhà ông bà “Nhân Tươi” ở xóm E, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thì Nguyễn Văn D2, Trần Hữu N, Phạm Xuân Đ1, Đào Văn Á, Trần Hữu T3, Nguyễn Văn L1, Phạm Xuân M cùng đến nhà D ngồi chơi uống nước. Do đã uống rượu say nên cả 8 người đã cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh “*Liêng*” được thua bằng tiền. Duyên đã đưa những người này xuống gian bếp của nhà mình rồi cùng những người này ngồi xuống chiếu vải đã trải sẵn dưới nền nhà và dùng bộ tứ lơ khơ 52 quân có sẵn ở bếp để cùng nhau đánh bạc được thua bằng tiền. Khoảng 05 phút sau thì Nguyễn Văn L2 là con rể Duyên từ nhà trên đi xuống bếp và tham gia đánh bạc cùng mọi người. Đến khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày thì Nguyễn Minh T4, Nguyễn Văn T6 và Nguyễn Văn D1 đến nhà D, thấy mọi người đang đánh bạc nên đã tham gia đánh bạc cùng mọi người. Do số người đánh bạc quá đông nên D đã cùng với L1, T3, T4, D1 tách ra sang chiếu bạc thứ 2 để đánh bạc cũng bằng hình thức đánh “*Liêng*” được thua bằng tiền. Chiều bạc thứ 2 đã có chiếu nhựa trải sẵn và có 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân có sẵn dưới nền. Còn D2, Đ1, Á, N, M, T6, L2 tiếp tục đánh bạc ở chiếu thứ nhất. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì Nguyễn Văn S đến và ngồi đánh bạc ở chiếu 2. Khoảng 10 phút sau cùng thì Nguyễn Văn T5 đến và ngồi đánh bạc ở chiếu 1. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an huyện Đ và Công an xã T phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng như nêu trên.

Về hình thức đánh bạc bằng hình thức đánh “*Liêng*”: Các đối tượng sử dụng bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 quân, chia lần lượt mỗi người 03 quân bài chiều kim đồng hồ, trước mỗi ván người chơi đặt cược “Gà” là 10.000 đồng, sau khi chia bài xong người chia bài (là người cầm cái) được quyền tố đầu tiên (đặt cược); các đối tượng quy định mỗi lần tố ít nhất là 10.000 đồng, tối đa: 100.000 đồng, mỗi người chỉ được tố không quá 03 lần, ai không theo thì úp bài sẽ thua

số tiền “Gà”, ai tố theo mà thua thì bị mất cả tiền “Gà” và tiền tố theo; Người thắng ván bài là người tố cuối cùng và không có ai theo hoặc bằng cách tính điểm. Người thắng sẽ được tất cả tiền cược bao gồm cả tiền "gà" và tiền "tố". Cách tính điểm: Bài có giá trị lớn nhất là có 03 lá bài trùng nhau (gọi là "sáp"); bài có giá trị thứ hai là có 03 lá bài có số liên tiếp (gọi là "liêng"); bài có giá trị thứ ba là có 03 lá bài loại J,Q,K nhưng không thuộc trường hợp sáp hoặc liêng (gọi là "ảnh"). Nếu ván bài không có "sáp", "liêng", "ảnh" thì sẽ tính điểm. Các quân bài từ A đến 9 được quy đổi từ 1 đến 9 điểm, các quân bài 10, J, Q, K là 0 điểm. Điểm cao nhất là 09 (cộng tổng điểm của 03 quân bài, nếu trên 9 điểm thì tính điểm là hàng đơn vị của tổng đó).

Khi tham gia đánh bạc, Nguyễn Văn T5 mang theo 680.000 đồng, sử dụng hết đánh bạc; Trần Hữu N mang theo 1.000.000 đồng, sử dụng hết đánh bạc; Phạm Xuân M mang theo 600.000 đồng, sử dụng hết đánh bạc; Nguyễn Văn D2 mang theo 900.000 đồng, sử dụng hết đánh bạc; Phạm Xuân Đ1 mang theo 2.600.000 đồng, bỏ ra 1.400.000 đồng để đánh bạc, Đ1 khai nhận nếu thua hết số tiền đã bỏ ra để đánh bạc thì sẽ tiếp tục bỏ ra số tiền 1.200.000 đồng cất trong người để đánh bạc; Nguyễn Văn L2 mang theo 2.100.000 đồng bỏ ra 1.600.000 đồng để đánh bạc, L2 khai nhận nếu không bị bắt mà thua hết số tiền đã bỏ ra thì tiếp tục bỏ ra 500.000 đồng cất trong người để đánh bạc; Đào Văn Á mang theo 1.000.000 đồng, sử dụng hết đánh bạc; Vũ Văn D có 2.370.000 đồng, sử dụng hết đánh bạc, khi D đánh bạc ở chiều 1 Duyên thua 100.000 đồng, còn lại 2.270.000 đồng bỏ hết ra để đánh bạc ở chiều 2; Nguyễn Văn S mang theo 1.700.000 đồng, sử dụng hết đánh bạc; Nguyễn Văn D1 mang theo 1.400.000 đồng, sử dụng hết đánh bạc; Nguyễn Văn L1 mang theo 200.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, đánh bạc ở chiều 1 thắng được 50.000 đồng thì tổng tiền có 250.000 đồng mang sang chiều 2 tiếp tục đánh bạc, khi tổ công tác bắt quả tang L1 đã vơ theo số tiền 1.500.000 đồng trên chiếu bạc rồi bỏ chạy; Trần Hữu T3 mang theo 300.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, khi đánh bạc ở chiều 1 thì T3 hòa tiền và tiếp tục sử dụng 300.000 đồng sang chiều 2 sử dụng hết để đánh bạc, khi tổ công tác bắt quả tang, T3 đã vơ theo số tiền 1.330.000 đồng trên chiếu bạc rồi bỏ chạy; Nguyễn Văn T6 mang theo số tiền 300.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc; Nguyễn Minh T4 mang theo số tiền 220.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc, khi bị phát hiện T4 đã vơ số tiền là 920.000 đồng bỏ chạy. Nguyễn Văn L1 đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền 1.500.000 đồng, Trần Hữu T3 đã giao nộp lại Cơ quan điều tra số tiền 1.330.000 đồng. Đối với số tiền 920.000 của Nguyễn Minh T4, T4 đã tiêu sài hết nên chưa nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo D2, Đ1, Á, N, M, T6, L2, T5 đánh bạc tại chiều thứ nhất là 9.200.000đ; tổng số tiền các bị cáo D, L1, T3, T4, D1, S đánh bạc tại chiều thứ hai là 6.140.000đ.

Vật chứng của vụ án gồm: Số tiền: 14.420.000 đồng tiền ngân hàng N1; 02 bộ bài tứ lơ khơ; 01 chiếu vải màu vàng; 01 chiếu nhựa màu vàng xanh.

Tại bản án sơ thẩm số 89/2023/HSST ngày 12/7/2023, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố bị cáo Vũ Văn D phạm tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Nguyễn Văn D2, Nguyễn Văn S, Phạm Xuân Đ1 phạm tội “Đánh bạc”;

1. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm b khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn D 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” và 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng hợp, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 24 (hai mươi bốn) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 05/02/2023 đến ngày 08/02/2023. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành hình phạt.

+ Phạt bổ sung bị cáo Vũ Văn D 10.000.000đ về tội “Đánh bạc” và 20.000.000đ về tội “Tổ chức đánh bạc” sung quỹ Nhà nước.

2. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 05/02/2023 đến ngày 08/02/2023. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành hình phạt. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác; hình phạt bổ sung; xử lý vật chứng; nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/7/2023 bị cáo Vũ Văn D và bị cáo Nguyễn Văn S kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị huỷ bản án sơ thẩm;

Ngày 21/7/2023, các bị cáo Nguyễn Văn D2 và Phạm Xuân Đ1 kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 19/9/2023, các bị cáo Nguyễn Văn D2 và Phạm Xuân Đ1 có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Toà án đã ra thông báo về việc các bị cáo rút kháng cáo theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Văn D cho rằng mình không phạm tội tổ chức đánh bạc vì căn nhà nơi bị cáo cho các bị cáo khác đánh bạc không thuộc quyền sở hữu và quản lý của bị cáo mà là của mẹ đẻ bị cáo; đề nghị xem xét số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc; số tiền đặt cược trong vụ án và đề nghị huỷ án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Bị cáo Nguyễn Văn S đề nghị xem xét số tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc; số tiền đặt cược trong mỗi ván bạc; Cơ quan điều tra đã vi phạm thủ tục tố tụng và đề nghị huỷ án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc bị cáo Vũ Văn D cho rằng mình không phải là chủ sở hữu và người quản lý căn nhà nơi bị cáo cho 13 bị cáo khác đánh bạc ngày 05/02/2023: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy, lời khai của bị cáo D trong quá trình điều tra, truy tố xác định vợ chồng D sinh sống cùng mẹ đẻ, do mẹ già yếu nên D là người quản lý trực tiếp ngôi nhà, lời khai của bà C (mẹ bị cáo D), chị G (vợ bị cáo D) đều thừa nhận vợ chồng D đang chung sống cùng mẹ đẻ là bà C ổn định, lâu dài và bà C là người già yếu, bệnh nặng nên việc quản lý và sử dụng tài sản đều do vợ chồng D trông coi, quản lý, do vậy việc bị cáo đồng ý cho 13 người khác đánh bạc trên 02 chiếu bạc với tổng số tiền 15.340.000 đồng, tại căn nhà do bị cáo quản lý đã đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc.

- Về số tiền đánh bạc: Cấp sơ thẩm xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc tại hai chiếu bạc là 15.340.000đ là chính xác. Số tiền các bị cáo đặt cược “Gà” là 10.000đ, mỗi lần tố ít nhất là 10.000đ, tối đa là 100.000đ nhưng tại Kết luận điều tra, Cáo trạng, Bản án sơ thẩm xác định tiền đặt cược “Gà” là 20.000đ, mỗi lần tố ít nhất là 20.000đ là chưa chính xác. Mặc dù có sai sót về số tiền đặt cược nhưng không làm thay đổi tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, không làm thay đổi tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo, vấn đề này cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Vũ Văn D về tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321, điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội, các đặc điểm nhân thân, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định của pháp luật để quyết định hình phạt đối với các bị cáo nên không có căn cứ huỷ bản án sơ thẩm như đề nghị của các bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo D. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2023/HS-ST ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ đã tuyên đối với các bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận với kết luận của Đại diện Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo D: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã có nhiều vi phạm thủ tục tố tụng (thủ tục bắt bị can, thủ tục giao nhận các quyết định tố tụng, trình tự thủ tục lấy lời khai...), Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu người tham gia tố tụng. Về nội dung: Các bị cáo phạm tội không có người tổ chức mà chỉ cùng nhau đánh bạc. Không có tài liệu nào chứng minh bị cáo D là chủ sở hữu cũng như là người được giao quản lý căn nhà nơi các bị cáo đánh bạc nên kết tội bị cáo D phạm tội “Tổ chức đánh bạc” là không có cơ sở. Đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm sau khi đã đối đáp với các ý kiến của Luật sư.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử huỷ án sơ thẩm để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo gửi trong thời hạn và đúng theo thủ tục quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 20 giờ ngày 05/02/2023 tại gian bếp thuộc nhà ở do Vũ Văn D trông coi, quản lý tại xóm E, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Vũ Văn D đã để 13 người khác cùng mình “Đánh bạc” bằng hình thức đánh “Liêng” được thua bằng tiền. Các bị cáo chia thành 02 chiếu bạc để đánh bạc, cụ thể:

+ Chiếu bạc thứ nhất gồm: Nguyễn Văn D2, Phạm Xuân Đ1, Đào Văn Á, Trần Hữu N, Phạm Xuân M, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn L2, và Nguyễn Văn T5.

+ Chiếu bạc thứ 2 gồm: Vũ Văn D, Nguyễn Văn L1, Trần Hữu T3, Nguyễn Minh T4, Nguyễn Văn D1 và Nguyễn Văn S.

Như vậy theo lời khai của các bị cáo thì số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc tại 02 chiếu bạc là 15.340.000đ. Tuy nhiên căn cứ vào số tiền thu tại 02 chiếu bạc 9.890.000đ (7.500.000đ + 2.390.000đ), số tiền thu trên người bị cáo L2 500.000 đ, bị cáo Đ1 1.200.000đ, bị cáo T3 giao nộp 1.330.000đ, bị cáo L1 giao nộp 1.500.000đ, số tiền bị cáo Tân vợ khi bỏ chạy chưa nộp là 920.000đ thì xác định tổng số tiền các bị cáo D2, Đ1, Á, N, M, T6, L2, T5 đánh bạc tại chiếu thứ nhất là 9.200.000đ; tổng số tiền các bị cáo D, L1, T3, T4, D1, S đánh bạc tại chiếu thứ hai là 6.140.000đ. Tổng số tiền dùng để đánh bạc tại hai chiếu bạc là 15.340.000đ. Bản án sơ thẩm xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc trên chiếu 1 là 9.200.000đ và trên chiếu 2 là 6.140.000đ là chính xác.

Với hành vi trên, bị cáo D và bị cáo S bị Tòa sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự ; Bị cáo D sử dụng nhà ở thuộc quyền quản lý, trông coi của mình cho 02 chiếu bạc trong cùng một lúc nên bị xét xử thêm về tội “Tổ chức đánh bạc” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. *Xét kháng cáo của các bị cáo:*

- Kháng cáo của bị cáo Vũ Văn D và Nguyễn Văn S:

+ Về việc bị cáo Vũ Văn D cho rằng bị cáo không phải chủ sở hữu và người quản lý căn nhà nơi bị cáo D cùng 13 bị cáo khác đánh bạc ngày 05/02/2023: Tài liệu điều tra và lời khai của bà C (mẹ bị cáo D), chị G (vợ bị cáo D) và lời khai của D đều thừa nhận vợ chồng D đang chung sống cùng mẹ đẻ là bà C ổn định từ lâu, bà C là người già yếu, bị bệnh tai biến nên việc quản lý và sử dụng tài sản đều do vợ chồng D trông coi, quản lý. (tại bút lục số 463 – 465 bà C khai: Do bà bị tai biến và già yếu nên đã giao nhà cho D quản lý ...; bà chỉ nằm trong buồng ngủ nên không biết việc D cho các đối tượng đánh bạc ở nhà mình ngày 05/02/2023; Lời khai của chị Trần Thị G (vợ bị cáo D): Tối ngày 05/02/2023 tôi đi hộ đám cưới đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày tôi mới biết sự việc D cùng với các đối tượng đánh bạc tại gian bếp nhà tôi bị bắt quả tang...), lời khai của D tại cơ quan điều tra xác định D sinh sống cùng mẹ, do mẹ già, yếu nên D là người quản lý trực tiếp. Các bị cáo trong vụ án cũng xác định tại thời điểm Duyệt cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình thì chỉ có bị cáo ở nhà, bà C thì đang nằm trong buồng ngủ trên nhà chính, vợ bị cáo đi hộ đám cưới không có mặt ở nhà. Việc bị cáo đồng ý cho 13 người đánh bạc trên 02 chiếu với tổng số tiền 15.340.000 đồng, tại căn nhà do bị cáo quản lý đã đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc.

+ Về số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc và số tiền đặt cược, bản án sơ thẩm đã xác định không chính xác: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ được thu thập thấy: Cấp sơ thẩm xác định

số tiền các bị cáo đánh bạc tại hai chiều bạc là 15.340.000đ là chính xác. Số tiền các bị cáo đặt cược cụ thể là tiền đặt cược “Gà” là 10.000đ, mỗi lần tố ít nhất là 10.000đ, tối đa là 100.000đ nhưng tại Kết luận điều tra, Cáo trạng, Bản án sơ thẩm xác định tiền đặt cược “Gà” là 20.000đ, mỗi lần tố ít nhất là 20.000đ là chưa chính xác. Mặc dù có sai sót về số tiền đặt cược nhưng không làm thay đổi tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, không làm thay đổi tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo.

+ Những vi phạm, sai sót của cấp sơ thẩm về thủ tục tố tụng không làm thay đổi bản chất vụ án, đồng thời đã được Điều tra viên báo cáo giải trình.

Vì vậy không có căn cứ huỷ bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và của Luật sư.

[4]. *Về án phí hình sự phúc thẩm*: Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn D, Nguyễn Văn S, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 89/2023/HSST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn D phạm tội: “Tổ chức đánh bạc” và tội: “Đánh bạc”; các bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Đánh bạc”.

I. Về hình phạt:

1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn D 09 (chín) tháng tù về tội “*Đánh bạc*” và 15 (mười lăm) tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

Tổng hợp, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 05/02/2023 đến ngày 08/02/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Vũ Văn D 10.000.000 đồng về tội “*Đánh bạc*” và 20.000.000 đồng về tội “*Tổ chức đánh bạc*” sung quỹ Nhà nước.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 05/02/2023 đến ngày 08/02/2023. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

II. *Án phí*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo Vũ Văn D và Nguyễn Văn S, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

III. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 89/2023/HSST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND T. Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- TAND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- Công an huyện Đại Từ;
- Sở Tư pháp T. Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Minh Tuấn